

TUẦN 15:

TẬP ĐỌC - KỂ CHUYỆN (2 TIẾT):

HỮ BẠC CỦA NGƯỜI CHA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Hiểu nghĩa của các từ trong bài: *người Chăm, hũ, dúi, thân nhiên, dành dùm,...*

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Hai bàn tay lao động của con người chính là nguồn tạo nên của cải (trả lời được các câu hỏi 1,2,3,4).

- Kể lại được toàn bộ câu chuyện - kể tự nhiên, phân biệt lời kể với giọng nhân vật ông lão.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc: Đọc đúng các từ, tiếng khó hoặc dễ lẫn (*Siêng năng, lười biếng, làm lụng, kiếm nôi,...*).

- Bước đầu biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật.

- Sắp xếp lại các tranh (SGK) theo đúng trình tự và kể lại được từng đoạn của câu chuyện theo tranh minh họa.

- Rèn kỹ năng nói, kỹ năng nghe.

Hình thành phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

*KNS:

- Tự nhận thức bản thân.

- Xác định giá trị.

- Lắng nghe tích cực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Tranh minh họa truyện trong sách giáo khoa. Bảng phụ ghi sẵn nội dung cần hướng dẫn luyện đọc.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Hoạt động khởi động (3 phút) - Học sinh hát: <i>Ba kẻ con nghe.</i> - 2 học sinh đọc bài " <i>Nhớ Việt Bắc</i> ". - Kết nối bài học. - Giới thiệu bài - Ghi tên bài.	- Học sinh hát. - Học sinh thực hiện. - Học sinh nghe giới thiệu, mở sách giáo khoa.
2. HĐ Luyện đọc (20 phút) *Mục tiêu:	

- Đọc đúng, rành mạch, biết nghỉ hơi hợp lý sau dấu chấm, dấu phẩy và giữa các cụm từ; bước đầu biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện với lời các nhân vật.

*** Cách tiến hành:**

a. Giáo viên đọc mẫu toàn bài:

- Giáo viên đọc mẫu toàn bài một lượt. Giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng tình cảm, hồi hộp cùng với sự phát triển tình tiết của câu chuyện.

+ Giọng người dẫn chuyện: thông thả, rõ ràng.

+ Giọng người cha ở đoạn 1: thể hiện sự khuyển bảo, lo lắng cho con; ở đoạn 2: nghiêm khắc; ở đoạn 4: xúc động có sự yên tâm, hài lòng về con; ở đoạn 5: trang trọng, nghiêm túc.

b. Học sinh đọc nối tiếp từng câu kết hợp luyện đọc từ khó

- Giáo viên theo dõi học sinh đọc bài để phát hiện lỗi phát âm của học sinh.

c. Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn và giải nghĩa từ khó:

- Luyện đọc câu khó, hướng dẫn ngắt giọng câu dài:

+ *Tuy vậy, / ông rất buồn / vì cậu con trai lười biếng. //*

+ *Cha muốn trước khi nhắm mắt / thấy con kiếm nổi bát cơm. //*

+ *Con hãy đi làm / và mang tiền về đây. //*

- Giáo viên yêu cầu học sinh đặt câu với từ **dúi, dành dụm**.

d. Đọc đồng thanh

* Nhận xét, đánh giá, chuyên hoạt động.

- Học sinh lắng nghe.

- Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp câu trong nhóm.

- Nhóm báo cáo kết quả đọc trong nhóm.

- Luyện đọc từ khó do học sinh phát hiện theo hình thức: Đọc mẫu (M4) => Cá nhân (M1) => Cả lớp (***Siêng năng, lười biếng, làm lụng, kiếm nổi,...***)

- Học sinh chia đoạn (5 đoạn như sách giáo khoa).

- Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc từng đoạn trong nhóm.

- Nhóm báo cáo kết quả đọc đoạn trong nhóm.

- Đọc phần chú giải (cá nhân).

- 1 nhóm đọc nối tiếp 5 đoạn văn trước lớp.

	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện 5 nhóm đọc nối tiếp 5 đoạn văn trước lớp. - Học sinh đọc đồng thanh.
<p>3. HĐ tìm hiểu bài (15 phút):</p>	
<p>a. Mục tiêu: Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Hai bàn tay lao động của con người chính là nguồn tạo nên của cải.</p>	
<p>b. Cách tiến hành: Làm việc cá nhân – Chia sẻ cặp đôi – Chia sẻ trước lớp</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên yêu cầu 1 học sinh đọc to 4 câu hỏi cuối bài. - Giáo viên hỗ trợ Trưởng ban học tập lên điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp. + <i>Câu chuyện có những nhân vật nào?</i> + <i>Ông lão là người như thế nào?</i> + <i>Ông lão buồn vì điều gì?</i> + <i>Ông lão mong muốn điều gì ở người con?</i> + <i>Vì muốn con mình tự kiếm nổi bát cơm nên ông lão đã yêu cầu con ra đi và mang tiền về nhà. Trong lần ra đi thứ nhất người con đã làm gì?</i> + <i>Người cha đã làm gì đối với số tiền đó?</i> + <i>Vì sao người cha lại ném tiền xuống ao?</i> + <i>Vì sao người con phải ra đi lần thứ hai?</i> + <i>Người con đã làm lụng vất vả và tiết kiệm tiền như thế nào?</i> + <i>Khi ông lão vứt tiền vào lửa người con đã làm gì?</i> + <i>Hành động đó nói lên điều gì?</i> + <i>Ông lão có thái độ như thế nào trước hành động của con?</i> + <i>Câu văn nào trong truyện nói lên ý nghĩa của câu chuyện?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc 4 câu hỏi cuối bài. - Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời các câu hỏi (thời gian 3 phút). - <i>Câu chuyện có 3 nhân vật là ông lão, bà mẹ và cậu con trai.</i> - <i>Ông lão là người rất siêng năng, chăm chỉ.</i> - <i>Ông lão buồn vì người con trai lão rất lười biếng.</i> - <i>Ông lão muốn người con tự kiếm nổi 1 bát cơm, không phải nhờ vả vào người khác.</i> - <i>Người con dùng số tiền bà mẹ cho để chơi mấy ngày, khi còn lại một ít thì mang về cho cha.</i> - <i>Người cha ném tiền xuống ao.</i> - <i>Vì lão muốn thử xem đó có phải là số tiền mà người con kiếm được không. Nếu thấy tiền vứt đi mà không xót nghĩa là đồng tiền đó không phải nhờ sự lao động vất vả mới kiếm được.</i> - <i>Vì người cha biết số tiền anh mang về không phải là tiền anh kiếm được nên anh phải tiếp tục ra đi và kiếm tiền.</i> - <i>Anh vất vả xay thóc thuê, mỗi ngày được hai bát gạo, anh chỉ dám ăn một bát. Ba tháng, anh dành dụm được chính mười bát gạo liền đem bán lấy tiền và mang về cho cha.</i> - <i>Người con vội thọc tay vào lửa để lấy tiền ra.</i> - <i>.....anh đã vất vả mới kiếm được tiền nên rất quý trọng nó.</i> - <i>Ông lão cười chảy nước mắt khi thấy con biết quý đồng tiền và sức lao động.</i>

<p>+ Hãy nêu bài học ông lão dạy con bằng lời của em?</p> <p>=> Giáo viên chốt nội dung: Đôi bàn tay và sức lao động của con người chính là nguồn tạo nên mọi của cải không bao giờ cạn.</p>	<p>- Có làm lụng vất vả, người ta mới biết quý đồng tiền./ Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là bàn tay con.</p> <p>- Học sinh suy nghĩ trả lời theo ý riêng: <i>Chỉ có sức lao động của chính đôi bàn tay mới nuôi sống con cả đời./ Đôi bàn tay và sức lao động của con người chính là nguồn tạo nên mọi của cải không bao giờ cạn.</i></p> <p>- Học sinh nghe.</p>
<p>4. HĐ Luyện đọc lại - Đọc diễn cảm (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Học sinh đọc đúng, ngắt nghỉ đúng chỗ, biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – nhóm - cả lớp</p>	
<p>-> GV nhận xét, đánh giá</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung - Chuyển hoạt động.</p>	<p>- 1 học sinh M4 đọc mẫu toàn bài.</p> <p>- Xác định các giọng đọc.</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển nhóm đọc phân vai.</p> <p>+ Phân vai trong nhóm.</p> <p>+ Luyện đọc phân vai trong nhóm.</p> <p>- Thi đọc phân vai trước lớp: Các nhóm thi đọc phân vai trước lớp.</p> <p>- Lớp nhận xét.</p>
<p>5. HĐ kể chuyện (15 phút)</p> <p>* Mục tiêu: Kể lại được toàn bộ câu chuyện- kể tự nhiên, phân biệt lời kể với giọng nhân vật ông lão.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>a. Giáo viên nêu yêu cầu của tiết kể chuyện</p> <p>- Sắp xếp các tranh ra nháp theo trình tự đúng.</p> <p>- Kể lại toàn bộ câu chuyện.</p> <p>b. Hướng dẫn học sinh kể chuyện:</p> <p>- Gọi 1 học sinh đọc yêu cầu sách giáo khoa.</p> <p>- Yêu cầu học sinh suy nghĩ, sắp xếp các tranh theo nhóm 2, đại diện nhóm báo cáo trước lớp.</p>	<p>- Học sinh nghe.</p> <p>- 1 học sinh đọc yêu cầu.</p> <p>- Làm việc theo nhóm, sau đó báo cáo.</p> <p>- Lời giải: 3 - 5 - 4 - 1 - 2.</p> <p>+ Tranh 3: Anh con trai lười biếng chỉ ngủ còn cha già thì còng lưng làm việc.</p> <p>+ Tranh 5: Người cha vút tiền xuống ao, người con nhìn theo thản nhiên.</p>

<p>- Giáo viên nhận xét, chốt. * Tổ chức cho học sinh kể: - Yêu cầu cả lớp chọn 1 đoạn tự nhằm kể.</p> <p>- Giáo viên nhận xét lời kể mẫu -> nhắc lại cách kể.</p> <p>c. Học sinh kể chuyện trong nhóm</p> <p>d. Thi kể chuyện trước lớp:</p> <p>- Yêu cầu một số em kể lại cả câu chuyện theo vai nhân vật. * Lưu ý: - M1, M2: Kể đúng nội dung. - M3, M4: Kể có ngữ điệu *Giáo viên đặt câu hỏi chốt nội dung bài: + <i>Câu chuyện nói về việc gì?</i> + <i>Em có suy nghĩ gì về mỗi nhân vật trong truyện?</i> + <i>Qua câu chuyện này em học được điều gì?</i></p>	<p>+ Tranh 4: Người con đi xay thóc thuê để lấy tiền sống và dành dụm mang về. + Tranh 1: Người cha ném tiền vào bếp lửa, người con thọc tay vào lửa để lấy tiền ra. + Tranh 2: Vợ chồng ông lão trao hũ bạc cho con cùng lời khuyên: Hũ bạc tiêu không bao giờ hết chính là hai bàn tay con.</p> <p>- Học sinh kể theo yêu cầu. - Học sinh nhận xét cách kể của bạn. - Học sinh kể chuyện theo nội dung từng đoạn trước lớp. - Học sinh đánh giá.</p> <p>- Nhóm trưởng điều khiển: - Luyện kể cá nhân. - Luyện kể nối tiếp đoạn trong nhóm. - Các nhóm thi kể nối tiếp đoạn trước lớp. - Lớp nhận xét. - Học sinh M3+ M4 kể chuyện.</p> <p>- Học sinh trả lời theo ý đã hiểu khi tìm hiểu bài. - 2, 3 học sinh trả lời theo suy nghĩ của từng em. - Học sinh trả lời theo ý kiến cá nhân.</p>
<p>6. HD ứng dụng (1phút) 7. Hoạt động sáng tạo (1 phút)</p>	<p>- Về kể lại câu chuyện cho người thân nghe. - Suy tầm các câu chuyện về khuyên răn con người phải chăm chỉ lao động.</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

TOÁN:

TIẾT 71: CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết đặt tính và tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đặt tính và tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số.
- Làm tính đúng nhanh chính xác.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

***Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1 (cột 1,2,3), bài tập 2; bài tập 3

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ.
- Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS								
<p>1. HĐ khởi động (2 phút)</p> <p>- Trò chơi: <i>Nổi nhanh, nổi đúng</i>: TBHT đưa ra các phép tính cho học sinh nêu kết quả:</p> <table><tr><td>84 : 2</td><td>18</td></tr><tr><td>90 : 5</td><td>42</td></tr><tr><td>89 : 4</td><td>22 dư 1</td></tr><tr><td>97 : 7</td><td>14 dư 1</td></tr></table> <p>- Cách chơi: Gồm hai đội, mỗi đội có 4 em tham gia chơi. Khi có hiệu lệnh nhanh chóng lên nói phép tính với kết quả đúng. Đội nào nhanh và đúng hơn thì đội đó thắng, các bạn HS còn lại cổ vũ cho 2 đội chơi.</p> <p>- Tổng kết – Kết nối bài học.</p> <p>- Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.</p>	84 : 2	18	90 : 5	42	89 : 4	22 dư 1	97 : 7	14 dư 1	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Mở vở ghi bài.</p>
84 : 2	18								
90 : 5	42								
89 : 4	22 dư 1								
97 : 7	14 dư 1								

2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút):

* **Mục tiêu:** Biết đặt tính và tính chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (chia hết và chia có dư).

* **Cách tiến hành:**

- Giáo viên viết lên bảng phép tính: $648 : 3 = ?$

- Yêu cầu học sinh đặt tính theo cột dọc và tự thực hiện phép tính.

+ Nêu cách thực hiện phép chia.

+ Hướng dẫn học sinh chia từng bước.

- Chốt: 648 chia 3 bằng bao nhiêu?

* Giáo viên nêu phép chia: $236 : 5$

- Tiến hành các tương tự như phép tính

$$648 : 3$$

- Giáo viên cho học sinh nhận xét sự khác nhau giữa 2 phép tính.

* Giáo viên giúp đỡ đối tượng M1, M2.

- Đặt tính.

- Cách tính.

+ Tính từ trái sang phải theo ba bước tính nhẩm là chia, nhân, trừ; mỗi lần chia được một chữ số ở thương (Từ hàng cao đến hàng thấp).

+ Lần 1: Tìm chữ số thứ nhất của thương (2).

+ Lần 2: Tìm chữ số thứ nhất của thương (1).

+ Lần 3: Tìm chữ số thứ nhất của thương (6).

Lưu ý: Ở lần chia thứ nhất có thể lấy 1 chữ số (trường hợp $648 : 3$), hoặc phải lấy hai chữ số (như trường hợp $236 : 5$)

- Học sinh đọc.

- Cả lớp thực hiện đặt tính vào giấy nháp.

- Học sinh lên bảng đặt tính và tính chia sẻ trước lớp.

$$648 : 3 = 216$$

- Học sinh đặt tính và tính $236 : 5 = 47$ (dư 1)

- Học sinh nhận biết được cùng chia số có 3 chữ số cho số có 1 chữ số những khác nhau ở $235 : 5$ là phép chia có dư...

- Lắng nghe và ghi nhớ thực hiện.

3. HĐ thực hành (15 phút):

* Mục tiêu: Bài tập cần làm: Bài 1 (cột 1,2,3); Bài 2; Bài 3.

* Cách tiến hành:

Bài 1 (cột 1,2,3):

Cá nhân – cặp đôi – Lớp

- Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.

- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 2: (Cá nhân - Lớp)

- Giáo viên cho học sinh nêu và phân tích bài toán.

- Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở.

- Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em, nhận xét chữa bài.

- Cho học sinh lên chia sẻ cách làm bài.

*Giáo viên củng cố: áp dụng bảng chia 9 để thực hiện giải.

Bài 3: (Nhóm - Lớp)

- Giáo viên treo bảng phụ có sẵn bài mẫu và hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài mẫu.

- Yêu cầu học sinh làm theo nhóm vào bảng phụ.

- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 1 (cột 4): (BT chờ - Dành cho đối tượng yêu thích học toán)

- Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp.

Đáp án:

a, 218; 75; 65

b, 114 (dư 1); 192 (dư 2); 97 (dư 4)

- Cả lớp thực hiện làm vào vở.

- Học sinh chia sẻ kết quả.

Bài giải:

Có tất cả số hàng là:

$$234 : 9 = 26 \text{ (hàng)}$$

Đáp số: 26 hàng

- Học sinh đọc bài mẫu và trả lời theo các câu hỏi của giáo viên.

- Các nhóm làm bài rồi chia sẻ trước lớp.

Số đã cho	432m	888kg	600 giờ	312 ngày
Giảm 8 lần	$432 : 8 = 54m$	$888 : 8 = 111kg$	$600 : 8 = 75 \text{ giờ}$	$312 : 8 = 39 \text{ ngày}$
Giảm 6 lần	$432 : 6 = 72m$	$888 : 6 = 148kg$	$600 : 6 = 100 \text{ giờ}$	$312 : 6 = 52 \text{ ngày}$

- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành.

a) 181

b) 38 (dư 2)

- Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em.	
3. HĐ ứng dụng (2 phút)	- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng làm bài toán sau: <i>Kho thứ nhất đựng 845 thùng hàng. Kho thứ hai</i>
4. HĐ sáng tạo (1 phút)	<i>đựng được số thùng hàng bằng $\frac{1}{5}$ số thùng hàng của kho thứ nhất. Hỏi kho thứ hai đựng được bao nhiêu thùng hàng?</i> - Suy nghĩ và thử giải bài toán sau: <i>Trong 6 tháng đầu tiên cửa hàng bán được 480 bộ quần áo. Trong 3 tháng tiếp theo cửa hàng bán được số bộ quần áo chỉ bằng $\frac{1}{3}$ số bộ quần áo bán được trong 6 tháng đầu. Hỏi cả 9 tháng cửa hàng bán được bao nhiêu bộ quần áo?</i>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

ĐẠO ĐỨC

QUAN TÂM GIÚP ĐỠ HÀNG XÓM, LÁNG GIỀNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: Giúp học sinh hiểu:

- Các em có thể quan tâm, giúp đỡ hàng xóm láng giềng bằng những việc làm vừa sức với mình.

- Biết được mình đã làm được gì và chưa làm được gì để từ đó điều chỉnh bản thân.

2. Kỹ năng:

- Bày tỏ ý kiến của mình trước tập thể làm cho các em mạnh dạn hơn.

- Thực hiện hành động cụ thể biểu hiện sự quan tâm, giúp đỡ hàng xóm láng giềng trong cuộc sống.

Hình thành phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề, NL phát triển bản thân, NL điều chỉnh hành vi đạo đức.

*KNS:

- Kỹ năng lắng nghe tích cực.

- Kỹ năng tự trọng và đảm nhận trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Nội dung tiêu phẩm “*Chuyện hàng xóm*”. Phiếu thảo luận cho các nhóm. Nội dung truyện “*Tình làng, nghĩa xóm*”.

- Học sinh: Vở bài tập.

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. Hoạt động Khởi động (5 phút):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh kể những việc mình đã làm để giúp đỡ làng xóm láng giềng? - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài mới – Ghi bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nêu. - Lắng nghe.
<p>2. HĐ thực hành: (25 phút)</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được bày tỏ ý kiến của mình trước tập thể làm cho các em mạnh dạn hơn. - Học sinh biết được mình đã làm được gì và chưa làm được gì để từ đó điều chỉnh bản thân. - Tìm hiểu truyện: “<i>Tình làng, nghĩa xóm</i>”. Qua câu chuyện học sinh hiểu hơn về tình làng, nghĩa xóm. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Bày tỏ ý kiến: Làm việc theo nhóm -> Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu thảo luận, yêu cầu học sinh đưa ra lời giải thích hợp lý cho mỗi ý kiến của mình. <p>Các tình huống sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bác Tư sống một mình, lúc bị ốm không có ai bên cạnh chăm sóc. Thương bác, Hằng đã nghỉ học hăm một buổi ở nhà để giúp bác làm công việc nhà. 2. Thấy bà Lan vừa phải trong bé Bi, vừa phải thổi cơm. Huy chạy lại, xin được trông bé Bi giúp bà. 3. Chủ nhật nào, Việt cũng giúp cu Tuấn con cô Hạnh ở nhà bên học thêm môn Toán. 4. Tùng nô đùa với các bạn trong khu tập thể, đá bóng vào cả quán nước nhà Bác Lưu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày kết quả của nhóm mình. <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Hằng làm thế là sai, chỉ giúp hàng xóm theo điều kiện cho phép của mình. Hằng có thể nói với người lớn để nhờ giúp đỡ thêm chứ không được nghỉ học.</i> 2. <i>Huy làm thế là đúng, nhờ Huy giúp đỡ, bà Lan sẽ đỡ vất vả hơn khi làm công việc của mình.</i> 3. <i>Việt làm thế là đúng, cu Tuấn học giỏi Toán sẽ làm cho cả nhà cô Hạnh vui, bố mẹ Việt cũng vui, hai gia đình sẽ gần bó hơn.</i> 4. <i>Tùng làm thế là sai, làm ảnh hưởng đến gia đình bác Lưu hàng xóm: các bạn có thể làm đổ vỡ chai lọ trong quán...</i> <p>- Nhận xét các câu trả lời của nhóm khác.</p>

<p>- Nhận xét câu trả lời của các nhóm</p> <p>*Giáo viên kết luận: <i>Quan tâm, giúp đỡ hàng xóm láng giềng là việc làm tốt nhưng cần phải chú ý đến sức mình. Chỉ nên giúp những công việc phù hợp và vừa sức với.</i></p> <p>Việc 2: Liên hệ bản thân.</p> <p>Làm việc cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp</p> <p>- Yêu cầu học sinh thảo luận cặp đôi, ghi lại những công việc mà bạn bên cạnh đã làm để giúp đỡ hàng xóm, láng giềng của mình.</p> <p>- Nhận xét, kết luận: Khen những học sinh đã biết quan tâm, giúp đỡ hàng xóm, láng giềng của mình một cách hợp lý.</p> <p>Việc 3: Tìm hiểu truyện: “Tình làng, nghĩa xóm”: Làm việc cả lớp</p> <p>- Đọc chuyện: “<i>Tình làng, nghĩa xóm</i>”.</p> <p>Yêu cầu học sinh thảo luận cả nhóm, trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>1. Em hiểu “<i>Tình làng, nghĩa xóm</i>” được thể hiện trong câu chuyện này như thế nào?</p> <p>2. Em rút ra được bài học gì cho mình qua câu chuyện trên?</p> <p>3. Ở khu phố, em đã làm gì để góp phần xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa hàng xóm, láng giềng của mình?</p> <p>*Giáo viên kết luận: <i>Mỗi người không thể sống xa gia đình, xa hàng xóm láng giềng. Cần quan tâm, giúp đỡ hàng xóm láng giềng để thắt chặt hơn mối quan hệ, tình cảm tốt đẹp này.</i></p> <p>- Yêu cầu học sinh học thuộc lòng các câu ca dao, tục ngữ nói về tình làng nghĩa xóm.</p>	<p>- Học sinh thảo luận cặp đôi, 3-4 cặp đôi phát biểu ý kiến.</p> <p>- Học sinh nghe, nhận xét, bổ sung bày tỏ thái độ của mình.</p> <p>- 1 học sinh đọc lại. Cả lớp thảo luận, 3-4 học sinh trả lời câu hỏi.</p> <p>- “<i>Tình làng nghĩa xóm</i>” ở đây được thể hiện ở chỗ: dù món quà cho bạn Vân rất nhỏ nhưng vì quý Vân mà mẹ chị Quỳnh vẫn mang cho.</p> <p>- <i>Bài học:</i> Đừng coi thường những cử chỉ, sự giúp đỡ, quan tâm dù nhỏ nhất của hàng xóm, láng giềng vì điều đó thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa mọi người với nhau.</p> <p>- Em đã quan tâm, giúp đỡ hàng xóm, láng giềng những lúc cần thiết như: trông em bé...</p>
<p>3. Hoạt động ứng dụng (3 phút)</p> <p>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</p>	<p>- Quan tâm, giúp đỡ hàng xóm, láng giềng những công việc phù hợp, vừa sức với bản thân.</p> <p>- Quan tâm, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng, xã hội.</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

CHÍNH TẢ (Nghe – viết):

HỮ BẠC CỦA NGƯỜI CHA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nghe - viết đúng bài chính tả (đoạn *Hôm đó ... đến biết quý đồng tiền*); trình bày đúng hình thức bài văn xuôi.
- Làm đúng bài tập điền tiếng có vần *ui/uôi* (Bài tập 2)
- Làm đúng bài tập 3a.

2. Kỹ năng:

- Rèn cho học sinh kỹ năng viết đúng, đẹp, rèn kỹ năng chính tả tiếng có vần *ui/uôi*.
- Trình bày đúng hình thức văn xuôi.

Hình thành phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Bảng phụ viết nội dung các bài tập.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3 phút) <ul style="list-style-type: none">- Tuần qua em đã làm gì để viết đẹp hơn?- Nhận xét bài làm của học sinh, khen em viết tốt.- Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Hát: “<i>Chữ đẹp nét càng ngoan</i>”.- Học sinh trả lời.- Lắng nghe.
2. HĐ chuẩn bị viết chính tả (5 phút) *Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none">- Học sinh có tâm thế tốt để viết bài.	

- Nắm được nội dung bài viết, biết cách trình bày đúng quy định để viết cho đúng chính tả.

***Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp**

a. Trao đổi về nội dung đoạn chính tả

- Giáo viên đọc đoạn chính tả một lượt.

+ Khi ông lão rút tiền vào lừa người con đã làm gì?

+ Hành động đó nói lên điều gì?

b. Hướng dẫn trình bày:

+ Đoạn văn có mấy câu?

+ Trong đoạn văn có những chữ nào phải viết hoa? Vì sao?

+ Lời nhân vật phải viết như thế nào?

+ Có những dấu câu nào được sử dụng?

+ Những câu văn nào có dấu phẩy? Em hãy đọc lại từng câu đó?

c. Hướng dẫn viết từ khó:

- Luyện viết từ khó, dễ lẫn.

- Theo dõi và chỉnh lỗi cho học sinh.

- 1 học sinh đọc lại.

+ Người con vội thọc tay vào lừa để lấy tiền ra.

+ ...anh đã vất vả mới kiếm được tiền nên rất quý trọng nó.

- 6 câu.

- Hôm, Ông, Anh, ...

- Sau dấu hai chấm, xuống dòng, gạch đầu dòng.

- Dấu chấm, dấu hai chấm, dấu phẩy.

- Học sinh: ... sờ, thọc tay, đồng tiền, vất vả, ...

- **Sờ lừa, liền, ném luôn, lấy ra, làm lung, ..**

3. HĐ viết chính tả (15 phút):

***Mục tiêu:**

- Học sinh viết chính xác đoạn chính tả.

- Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí. Trình bày đúng quy định bài chính tả.

***Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân**

- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu câu viết hoa lùi vào 1 ô, quan sát kỹ từng chữ trên bảng, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.

- Giáo viên đọc cho học sinh viết bài.

Lưu ý: Tư thế ngồi, cách cầm bút và tốc độ viết của các đối tượng M1.

- Lắng nghe.

- Học sinh viết bài.

4. HĐ chấm, nhận xét bài (3 phút)

***Mục tiêu:** Giúp các em tự phát hiện ra lỗi của mình và lỗi của bạn.

***Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân – Hoạt động cặp đôi**

<ul style="list-style-type: none"> - Cho học sinh tự soát lại bài của mình theo. - Giáo viên đánh giá, nhận xét 5 - 7 bài. - Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh xem lại bài của mình, dùng bút chì gạch chân lỗi viết sai. Sửa lại xuống cuối vở bằng bút mực. - Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau. - Lắng nghe.
<p>5. HĐ làm bài tập (5 phút) *Mục tiêu: Làm đúng bài tập điền tiếng có vần <i>ui/uôi</i> (bài tập 2) *Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Hoạt động cá nhân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu bài. - Cả lớp làm vào vở bài tập. <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét chữa sai. - Giáo viên chốt lời giải đúng. <p>Bài 3a: Hoạt động cặp đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi học sinh đọc yêu cầu. - Phát giấy và bút dạ cho các nhóm. - Gọi 2 nhóm lên trình bày trên bảng và đọc lời giải của mình. - Nhận xét và chốt lời giải đúng. <p>Sốt – xôi - sáng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc yêu cầu bài. - Học sinh làm bài: + <i>mũi</i> dao – con <i>muỗi</i> + <i>núi</i> lửa - <i>nuôi</i> nấng + hạt <i>muối</i> - <i>múi</i> bưởi + <i>tuổi</i> trẻ - <i>túi</i> thân - Lắng nghe. <ul style="list-style-type: none"> - 1 học sinh đọc yêu cầu sách giáo khoa. - Học sinh tự làm bài trong nhóm. - 2 học sinh đại diện cho nhóm lên trình bày. - Lắng nghe.
<p>6. HĐ ứng dụng (3 phút)</p> <p>7. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà viết lại 10 lần những chữ viết bị sai. - Ghi nhớ, khắc sâu luật chính tả. - Về nhà tìm 1 bài văn, đoạn văn khuyên răn con người phải chăm chỉ lao động và luyện viết cho chữ đẹp hơn.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TẬP ĐỌC:

NHÀ RÔNG Ở TÂY NGUYÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Hiểu nghĩa các từ trong bài: **rông chiêng, nông cụ,...**
- Hiểu đặc điểm của nhà rông và những sinh hoạt cộng đồng ở Tây nguyên gắn với nhà rông (Trả lời được các câu hỏi trong sách giáo khoa).
- Biết đọc bài với giọng kể, nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm của nhà rông ở Tây Nguyên.

2. Kỹ năng:

- Đọc đúng các từ, tiếng khó hoặc dễ lẫn: **múa rông chiêng, truyền lại, trung tâm, buôn làng,...**

- Đọc đúng, rõ ràng toàn bài, biết ngắt nghỉ hơi đúng ở câu có nhiều dấu phẩy.

Hình thành phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ, NL giải quyết vấn đề, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, tranh minh họa bài đọc.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành.
- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh nghe đoạn nhạc bài hát về Tây Nguyên. - Giáo viên kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài. Ghi tựa bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe. - Lắng nghe. - Mở sách giáo khoa.
<p>2. HĐ Luyện đọc (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Đọc đúng, rành mạch, ngắt nghỉ đúng nhịp.</p> <p>* Cách tiến hành :</p>	
<p>a. Giáo viên đọc mẫu toàn bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu toàn bài thơ, lưu ý học sinh đọc với giọng thong thả, nhấn giọng ở các từ gợi tả. <p>b. Học sinh đọc nối tiếp từng dòng thơ kết hợp luyện đọc từ khó</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên theo dõi học sinh đọc bài để phát hiện lỗi phát âm của học sinh. <p>c. Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn và giải nghĩa từ khó:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lắng nghe. - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc nối tiếp từng câu trong nhóm. - Nhóm báo cáo kết quả đọc trong nhóm. - Luyện đọc từ khó do học sinh phát hiện theo hình thức: Đọc mẫu (M4) => cá nhân (M1) => cả lớp (múa rông chiêng, truyền lại, trung tâm, buôn làng,...) - Nhóm trưởng điều hành nhóm đọc từng đoạn trong nhóm.

<p>- Luyện đọc câu khó, hướng dẫn ngắt giọng câu dài:</p> <p>- Hướng dẫn đọc câu khó:</p> <p>+ <i>Nhà rông thường được làm bằng các loại gỗ bền chắc như lim,/ gụ,/ sến,/ táu//.</i></p> <p>+ <i>Nó phải cao để đàn voi đi qua mà không đụng sàn/ và khi mùa rông chiêng trên sàn,/ ngọn giáo không vướng mái//. (...)</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh đặt câu với từ buôn làng.</p> <p>d. Đọc đồng thanh:</p> <p>* Nhận xét, đánh giá, chuyên hoạt động.</p>	<p>- Nhóm báo cáo kết quả đọc từng đoạn trong nhóm.</p> <p>- Đọc phần chú giải (cá nhân).</p> <p>- Lớp đọc đồng thanh toàn bài đọc.</p>
<p>3. HĐ Tìm hiểu bài (8 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Hiểu đặc điểm của nhà rông và những sinh hoạt cộng đồng ở Tây nguyên gắn với nhà rông.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- Cho học sinh thảo luận và tìm hiểu bài.</p> <p>*Giáo viên hỗ trợ Trưởng ban Học tập điều hành lớp chia sẻ kết quả trước lớp.</p> <p>+ <i>Vì sao nhà rông phải chắc chắn và cao?</i></p> <p>+ <i>Gian đầu nhà rông được trang trí như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Gian giữa như thế nào?</i></p> <p>+ <i>Em nghĩ gì về nhà rông ở Tây Nguyên?</i></p>	<p>- 1 học sinh đọc 3 câu hỏi cuối bài.</p> <p>- Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận để trả lời các câu hỏi (thời gian 3 phút)</p> <p>*Trưởng ban Học tập điều khiển lớp chia sẻ kết quả.</p> <p>- <i>Vì nhà rông được lâu dài là nơi tụ họp mọi người trong làng vào những ngày lễ hội...</i></p> <p>- <i>Là nơi thờ thần làng tên vách treo một giỏ mây đựng hòn đá mà già làng nhặt mới khi lập làng xung quanh hòn đá những cành hoa đan bằng tre và vũ khí nông cụ của cha tương truyền lại...</i></p> <p>- <i>Gian giữa là nơi đặt bếp lửa là nơi các già làng thường tụ họp làm việc lớn và nơi tiếp khách.</i></p> <p>- <i>Là gian ngủ trai làng từ 16 tuổi trở lên chưa lập gia đình ngủ tại đây để bảo vệ buôn làng.</i></p> <p>- <i>Nhà rông rất lạ mắt/ đồ sộ/ độc đáo.</i></p> <p>- <i>Nhà rông rất tiện lợi với người Tây Nguyên. (...)</i></p>

<p>*Giáo viên kết luận: Nhà rông là ngôi nhà đặc biệt quan trọng đối với các dân tộc Tây Nguyên. Nhà rông được làm rất to, cao, và chắc chắn. Nó là trung tâm của buôn làng, là nơi thờ thần làng, nơi diễn ra các sinh oạt cộng đồng quan trọng của dân tộc Tây Nguyên.</p>	
<p>4. HĐ Đọc diễn cảm (7 phút) *Mục tiêu: Học sinh đọc diễn cảm cả bài. *Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân - cả lớp</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên đọc mẫu. - Hướng dẫn học sinh cách đọc. - Gọi vài học sinh đọc diễn cảm toàn bài. - Yêu cầu học sinh nhận xét. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp theo dõi. - Học sinh lắng nghe. - Học sinh đọc. - Lớp lắng nghe, nhận xét.
<p>5. HĐ ứng dụng (1 phút)</p> <p>6. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu những phong tục, tập quán, những nét độc đáo của nơi mình ở. - Về nhà tiếp tục luyện đọc diễn cảm bài đọc. - Vẽ tranh về đề tài phong tục, tập quán, những nét độc đáo của quê hương, đất nước.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TOÁN:

**TIẾT 72: CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
(TIẾP THEO)**

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số với trường hợp thương có chữ số 0 ở hàng đơn vị.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng làm tính, giải toán.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1 (cột 1,2,4), 2, 3.

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Phiếu học tập (bài 3).
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (2 phút) - Trò chơi: Đoán nhanh đáp số: TBHT đưa ra các phép tính yêu cầu các bạn thực hiện: $578 : 3$ $230 : 6$ $905 : 5$ - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.	- Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe.
2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút) * Mục tiêu: Biết cách đặt tính và thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số với trường hợp thương có chữ số 0 ở hàng đơn vị. * Cách tiến hành:	
Việc 1: Giới thiệu các phép chia a) Giới thiệu phép chia $560 : 8$ - Giáo viên viết phép chia $560 : 8$ - Giáo viên theo dõi học sinh thực hiện. - Giáo viên gọi học sinh nhắc lại. b) Giáo viên giới thiệu phép chia $632 : 7$ - Giáo viên yêu cầu đặt tính, nêu cách tính. - Giáo viên chốt cách đặt tính và cách thực hiện tính. *Giáo viên giúp đỡ đối tượng M1, M2 + Ví dụ phần a với ví dụ phần b có gì giống nhau? khác nhau? + Ta cần chú ý điều gì khi thực hiện phép chia có dư?	- Học sinh làm việc cá nhân (nháp) $\begin{array}{r} 560 \overline{) 8} \quad 56 \text{ chia } 8 \text{ được } 7, \text{ viết } 7 \\ 56 \quad \underline{) 70} \quad 7 \text{ nhân } 8 \text{ bằng } 56; 56 \\ 00 \quad \quad \quad \text{trừ } 56 \text{ bằng } 0 \\ 0 \quad \quad \quad \text{Hạ } 0; 0 \text{ chia } 8 \text{ được } 0; \text{ viết } 0; 0 \text{ trừ} \\ \quad \quad \quad 0 \text{ bằng } 0 \dots \end{array}$ - 1 số học sinh nhắc lại cách thực hiện. Vậy $560 : 8 = 70$ - Học sinh làm bảng con. - Trình bày cách đặt tính và cách thực hiện tính. + Cùng là phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số có một chữ số,... + Khác: Phép chia ở phần a là phép chia hết, phép chia ở phần b là phép chia có dư - Khác: VD phần a là phép chia hết, VD phần b là phép chia có dư - ... số dư luôn nhỏ hơn số chia.

<ul style="list-style-type: none"> - Đặt tính. - Cách tính. + Tính từ trái sang phải theo ba bước tính nhằm là chia, nhân, trừ; mỗi lần chia được một chữ số ở thương (Từ hàng cao đến hàng thấp). + Lần 1: Tìm chữ số thứ nhất của thương. + Lần 2: Tìm chữ số thứ nhất của thương. + Lần 3: Tìm chữ số thứ nhất của thương. <p>Lưu ý: Ở lần chia thứ nhất có thể lấy 1 hoặc 2 chữ số để chia (tùy từng trường hợp),...</p>	
<p>3. HĐ thực hành (15 phút)</p> <p>* Mục tiêu: Bài tập cần làm; Bài 1 (Cột 1,2,4); Bài 2; Bài 3.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p><u>Bài 1 (cột 1,2,4):</u> Cá nhân – Cặp đôi – Cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng. - Giáo viên nhận xét chung. - Giáo viên củng cố cách thực hiện phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số. <p><u>Bài 2:</u> Cá nhân – Cặp đôi – Cả lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng. <p>*Giáo viên củng cố giải toán có lời văn liên quan đến chia số có ba chữ số cho số có một chữ số có dư.</p> <p><u>Bài 2:</u> Trò chơi “Ai nhanh hơn”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho 2 đội học sinh tham gia chơi để hoàn thành bài tập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp: a) 50; 70; 120 b) 70; 80; 120 (dư 5). <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh nghe. <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh làm bài cá nhân. - Trao đổi cặp đôi. - Chia sẻ trước lớp: <p style="text-align: center;"><i>Bài giải:</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Thực hiện phép chia ta có:</i></p> <p style="text-align: center;">$365 : 7 = 52 \text{ (dư 1)}$</p> <p style="text-align: center;"><i>Năm đó gồm 52 tuần lễ và 1 ngày</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 52 tuần lễ và 1 ngày</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. + $185 : 6 = 30 \text{ (dư 5)}$ là đúng. + $283 : 7 = 4 \text{ (dư 3)}$ là sai. - Học sinh nhận xét.

<p>- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.</p> <p>- Giáo viên củng cố phép chia số có ba chữ số cho số có một chữ số (trường hợp chia hết, trường hợp có dư).</p> <p>Bài 1 (cột 3): (BT chờ - Dành cho đối tượng yêu thích học toán)</p> <p>- Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em.</p>	<p>- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành:</p> <p>a) 130</p> <p>b) 120 (dư 1)</p>
<p>3. HĐ ứng dụng (2 phút)</p> <p>4. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<p>- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng làm bài toán sau: Có 775 quả cam được xếp đều vào 5 thùng. Hỏi mỗi thùng đựng được bao nhiêu quả cam?</p> <p>- Suy nghĩ và thử giải bài toán sau: Tuần thứ nhất bán 450 quyển truyện. Tuần thứ hai bán số truyện bằng $\frac{1}{3}$ số truyện của tuần thứ nhất bán được. Hỏi số truyện tuần thứ hai bán được ít hơn số truyện tuần đầu bán là bao nhiêu quyển?</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TOÁN:

TIẾT 73: GIỚI THIỆU BẢNG NHÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức: Giúp học sinh:

- Biết cách sử dụng bảng nhân làm các bài tập: 1, 2, 3.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tính và giải toán qua các bài tập.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Các tấm bìa, mỗi tấm có 9 chấm tròn.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (2 phút) - Trưởng ban văn nghệ tổ chức cho học sinh tham gia chơi trò chơi “ <i>Truyền điện</i> ”, nội dung liên quan đến bảng nhân đã học. - Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng.	- Học sinh tham gia chơi. - Học sinh mở sách giáo khoa, trình bày bài vào vở.
2. HĐ hình thành kiến thức mới (15 phút) * Mục tiêu: Biết cách sử dụng bảng nhân làm các bài tập. * Cách tiến hành:	
Việc 1: Giới thiệu bảng nhân. - Treo bảng nhân như trong Toán 3 lên bảng. - Yêu cầu đếm số hàng, số cột trong bảng. - Yêu cầu học sinh đọc các số trong hàng, cột đầu tiên của bảng. - Yêu cầu học sinh đọc hàng thứ ba trong bảng. - Các số vừa học xuất hiện trong bảng nhân nào đã học. - Giáo viên kết luận. Việc 2: Hướng dẫn sử dụng bảng nhân - Hướng dẫn học sinh tìm kết quả của phép nhân 3×4 . - Yêu cầu học sinh thực hành tìm tích của một số cặp số khác. - Giáo viên chốt rút ra bảng nhân (sách giáo khoa trang 74)	- Quan sát bảng nhân - Bảng có 11 hàng và 11 cột. - Đọc các số: 1, 2, 3, ..., 10. - Đọc số: 2, 4, 6, 8, 10, ..., 20. - Các số trên chính là kết quả của các phép tính trong bảng nhân 2. - Học sinh thực hành. - Học sinh tự tìm tích trong bảng nhân, sau đó điền vào ô trống. - Một số học sinh lên tìm trước lớp. Học sinh lần lượt chia sẻ trước lớp.
3. HĐ thực hành (15 phút) * Mục tiêu: Vận dụng các bảng nhân vào giải các bài tập * Cách tiến hành:	
Bài 1: Trò chơi “Xi điện” - Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Xi điện” để hoàn thành bài tập. - Giáo viên nhận xét chung.	- Học sinh tham gia chơi.

<p>- Yêu cầu 4 học sinh nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài.</p> <p>Bài 2: Cặp đôi – Lớp</p> <p>- Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.</p> <p>- Giáo viên nhận xét chung.</p> <p>Bài 3: Cá nhân – Lớp</p> <p>- Yêu cầu lớp làm vào vở.</p> <p>- Giáo viên đánh giá, nhận xét 7 – 10 em.</p> <p>- Nhận xét nhanh kết quả làm bài của học sinh.</p> <p>- Gọi 1 học sinh làm đúng chia sẻ kết quả trước lớp.</p>	<p>- Học sinh nối tiếp nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài.</p> <p>- Học sinh làm bài cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp:</p> <table border="1" data-bbox="837 414 1492 638"> <tr> <td>Thừa số</td> <td>2</td> <td>2</td> <td>2</td> <td>7</td> <td>7</td> <td>7</td> <td>10</td> <td>10</td> <td>9</td> </tr> <tr> <td>Thừa số</td> <td>4</td> <td>4</td> <td>4</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>9</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Tích</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>8</td> <td>56</td> <td>56</td> <td>56</td> <td>90</td> <td>90</td> <td>90</td> </tr> </table> <p>- Học sinh nhận xét.</p> <p>- Học sinh tự làm bài cá nhân.</p> <p>- Chia sẻ kết quả trước lớp:</p> <p style="text-align: center;"><i>Bài giải</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Số huy chương bạc là:</i></p> <p style="text-align: center;">$8 \times 3 = 24$ (huy chương)</p> <p style="text-align: center;"><i>Tất cả có số huy chương là:</i></p> <p style="text-align: center;">$24 + 8 = 32$ (huy chương)</p> <p style="text-align: center;"><i>Đáp số: 32 huy chương</i></p>	Thừa số	2	2	2	7	7	7	10	10	9	Thừa số	4	4	4	8	8	8	9	9	10	Tích	8	8	8	56	56	56	90	90	90
Thừa số	2	2	2	7	7	7	10	10	9																						
Thừa số	4	4	4	8	8	8	9	9	10																						
Tích	8	8	8	56	56	56	90	90	90																						
<p>3. HD ứng dụng (2 phút)</p> <p>4. HD sáng tạo (1 phút)</p>	<p>- Về nhà tiếp tục học thuộc bảng nhân. Áp dụng làm bài tập sau: <i>Lớp 3A có 7 học sinh thi học sinh giỏi. Cả khối lớp Bốn có số học sinh thi học sinh giỏi gấp 5 lần số học sinh thi học sinh giỏi của lớp 3A. Hỏi cả khối lớp Bốn có bao nhiêu học sinh thi học sinh giỏi?</i></p> <p>- Suy nghĩ và giải bài tập sau: <i>An năm nay 8 tuổi. Tuổi của bà An gấp 9 lần tuổi của An. Hỏi năm nay bà An bao nhiêu tuổi?</i></p>																														

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:

TỪ NGỮ VỀ CÁC DÂN TỘC. LUYỆN TẬP VỀ SO SÁNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta (BT 1).
- Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (BT 2).
- Dựa theo tranh gợi ý, viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh (BT 3).
- Điền được từ ngữ thích hợp vào câu có hình ảnh so sánh (BT 4).

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng dùng từ đặt câu.

Hình thành phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Bảng phụ, bản đồ Việt Nam.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3 phút) - Lớp hát bài “ <i>Trái đất này là của chúng mình</i> ”. - Gọi 1 học sinh lên bảng làm bài tập 1 tuần 14. - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài mới - Ghi bảng đầu bài.	- Học sinh hát. - 1 học sinh lên bảng làm bài tập 1 tuần 14. - Học sinh dưới lớp theo dõi nhận xét. - Học sinh nghe giới thiệu, ghi bài.
2. HĐ thực hành (28 phút): *Mục tiêu: - Biết tên một số dân tộc thiểu số ở nước ta. - Điền đúng từ ngữ thích hợp vào chỗ trống (BT 2). - Dựa theo tranh gợi ý, viết (hoặc nói) được câu có hình ảnh so sánh. *Cách tiến hành:	
*Việc 1: Mở rộng vốn từ Bài tập 1: Làm việc cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp - Gọi 1 em đọc đầu bài. - Cho học sinh làm bài theo nhóm. - Gắn kết quả, chữa bài. - Giáo viên, học sinh nhận xét, bổ sung. + <i>Em hiểu thế nào là dân tộc thiểu số?</i>	- 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm. - Trao đổi cặp đôi, chia sẻ trước lớp. - Thống nhất kết quả + <i>Là các dân tộc ít người</i> +... <i>thường sống ở miền núi,...</i>

+ Người dân tộc thiểu số thường sống ở đâu trên đất nước ta?

- Yêu cầu học sinh ghi vào vở.
- + Kể tên các dân tộc thiểu số ở nước ta mà em biết?

Bài tập 2: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ cặp đôi -> Chia sẻ trước lớp

- Gọi 1 em đọc đầu bài.
- Giáo viên yêu cầu học sinh làm bài tập vào vở.
- Giáo viên nhận xét, chữa bài.

*Giáo viên củng cố hiểu biết tên các dân tộc thiểu số, gắn với đời sống của dân tộc ít người ở các miền đất nước.

***Việc 2: Luyện tập về so sánh**

Bài tập 3:

Làm việc nhóm 4 -> Làm việc cả lớp

- Gọi 1 em đọc đầu bài.
- Học sinh cùng quan sát tranh và trả lời câu hỏi.
- + Nói tên từng cặp sự vật được so sánh với nhau trong mỗi tranh?
- + Hãy đặt câu so sánh mặt trăng và quả bóng?

- Giáo viên nhận xét.

Bài tập 4: Làm việc cá nhân -> Chia sẻ cặp đôi -> Làm việc cả lớp

- Gọi 1 em đọc đầu bài.
- Giáo viên hướng dẫn cho học sinh tìm những từ ngữ thích hợp với mỗi ô trống.
- Theo dõi, giúp đỡ đối tượng M1 hoàn thành bài tập.

+ Các dân tộc thiểu số sống ở phía Bắc: Tày, Nùng, Dao,...

+ Các dân tộc thiểu số sống ở miền Trung: Vân Kiều, Khơ-mú,...

+ Các dân tộc thiểu số sống ở miền Nam: Khơ-me, hoa, Xtiêng,...

- Học sinh làm vào vở.
- Học sinh đổi chéo vở để kiểm tra kết quả.

- Học sinh chia sẻ trước lớp.

Dự kiến đáp án:

a/ bậc thang, b/nhà rông

c/ nhà sàn, d/ Chăn

- 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm

- Học sinh quan sát tranh và thực hiện các yêu cầu:

+ Tranh 1: Mặt trăng và quả bóng.

+ Mặt trăng tròn như quả bóng.

+ Học sinh nối tiếp chia sẻ các sự vật trong các tranh còn lại (...)

- 1 em đọc đầu bài tập, lớp đọc thầm.

- Học sinh làm bài cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp.

Dự kiến đáp án:

a/ như núi Thái Sơn, như nước trong nguồn chảy ra.

b/ như đồ mỡ

c/ như núi

<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên nhận xét, chữa bài cho học sinh. - Giáo viên củng cố về cách dùng hình ảnh so sánh và từ dùng để so sánh. 	
3. HĐ ứng dụng (3 phút)	<ul style="list-style-type: none"> - Thi hát các bài hát, đọc các bài ca dao,... viết về các dân tộc.
4. HĐ sáng tạo (1 phút)	<ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm, tìm các câu ca dao, tục ngữ trong kho tàng văn học Việt Nam có sử dụng phép so sánh.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TẬP VIẾT:

ÔN CHỮ HOA L

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Viết đúng, đẹp các chữ viết hoa **L**.
- Viết đúng, đẹp tên riêng **Lê Lợi** và câu ứng dụng theo cỡ chữ nhỏ: **Lời nói...**

cho vừa lòng nhau.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng viết chữ. Chữ viết rõ ràng, đều nét và thẳng hàng; biết nối nét giữa chữ viết hoa với chữ viết thường trong chữ ghi tiếng.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Mẫu chữ hoa **L** viết trên bảng phụ có đủ các đường kẻ và đánh số các đường kẻ. Tên riêng và câu ứng dụng viết sẵn trên bảng lớp.

- Học sinh: Bảng con, vở Tập viết.

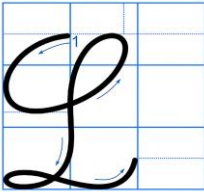
2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3 phút) - Trò chơi “ <i>Viết nhanh viết đẹp</i> ” - HS lên bảng viết: <i>Yết Kiêu, Khi, một dạ, một lòng.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Hát: <i>Năm ngón tay ngoan.</i> - Học sinh tham gia thi viết.

<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe.
<p>2. HĐ nhận diện đặc điểm và cách viết (10 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Biết viết chữ hoa theo cỡ nhỏ, chữ trong câu ứng dụng trên bảng con. Hiểu nghĩa câu ứng dụng.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</p>	
<p>Việc 1: Hướng dẫn quan sát, nhận xét:</p> <p>+ Trong tên riêng và câu ứng dụng có các chữ hoa nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng chữ L. - Giáo viên viết mẫu cho học sinh quan sát và kết hợp nhắc quy trình. <p>Việc 2: Hướng dẫn viết bảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên quan sát, nhận xét uốn nắn cho học sinh cách viết các nét. <p>Việc 3: Hướng dẫn viết từ ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu từ ứng dụng: Lê Lợi + Em biết gì về Lê Lợi? => Lê Lợi là một vị anh hùng dân tộc có công lớn đánh đuổi giặc Minh, giành độc lập cho dân tộc, lập ra triều đình nhà Lê. + Gồm mấy chữ, là những chữ nào? + Trong từ ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào? - Viết bảng con. <p>Việc 4: Hướng dẫn viết câu ứng dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu câu ứng dụng. => Giải thích: Câu tục ngữ khuyên chúng ta khi nói năng với mọi người phải biết lựa chọn lời nói, làm cho người nói chuyện với mình thấy dễ chịu và hài lòng. + Trong từ câu ứng dụng, các chữ cái có chiều cao như thế nào? - Cho học sinh luyện viết bảng con. 	<div style="text-align: center;">  </div> <ul style="list-style-type: none"> - L. - Học sinh nêu lại quy trình viết. - Học sinh quan sát. - Học sinh viết bảng con: L. - Học sinh đọc từ ứng dụng. - Học sinh nói theo hiểu biết của mình. - 2 chữ: Lê Lợi. - Chữ L cao 2 li rưỡi, chữ ê, ơ, i cao 1 li. - Học sinh viết bảng con: Lê Lợi. - Học sinh đọc câu ứng dụng. - Lắng nghe. - Học sinh phân tích độ cao các con chữ.

	- Học sinh viết bảng: <i>Lời nói, Lựa lời.</i>
3. HĐ thực hành viết trong vở (20 phút)	
* Mục tiêu: Học sinh trình bày đúng và đẹp nội dung trong vở tập viết.	
* Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp - cá nhân	
Việc 1: Hướng dẫn viết vào vở. - Giáo viên nêu yêu cầu viết: + Viết 2 dòng chữ hoa L . + 1 dòng tên riêng Lê Lợi . + 1 lần câu ứng dụng bằng cỡ chữ nhỏ. - Nhắc nhở học sinh tư thế khi ngồi viết và các lưu ý cần thiết. - Giáo viên lưu ý học sinh quan sát các dấu chấm trên dòng kẻ của vở là điểm đặt bút. Việc 2: Viết bài: - Giáo viên yêu cầu học sinh viết bài, từng dòng theo hiệu lệnh. - Theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn, giúp đỡ học sinh viết chậm. - Đánh giá, nhận xét một số bài viết của học sinh. - Nhận xét nhanh việc viết bài của học sinh.	- Quan sát, lắng nghe. - Lắng nghe và thực hiện. - Học sinh viết bài vào vở Tập viết theo hiệu lệnh của giáo viên.
4. HĐ ứng dụng: (1 phút)	- Về nhà luyện viết thêm để chữ viết đẹp hơn. - Thực hành khi nói năng cần lựa chọn lời nói cho phù hợp.
5. HĐ sáng tạo: (1 phút)	- Tìm thêm những câu ca dao, tục ngữ về khuyên răn con người khi nói năng với mọi người phải biết lựa chọn lời nói, làm cho người nói chuyện với mình thấy dễ chịu và hài lòng.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TOÁN:

TIẾT 74: GIỚI THIỆU BẢNG CHIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết cách sử dụng bảng chia.

2. Kỹ năng: Rèn cho học sinh kỹ năng vận dụng bảng chia để làm phép tính chia và giải toán.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

***Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1, 2, 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Sách giáo khoa, bảng phụ, bảng chia như sách giáo khoa.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (2 phút):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng ban văn nghệ tổ chức cho học sinh tham gia chơi trò chơi “<i>Truyền điện</i>”, nội dung trò chơi liên quan đến bảng chia đã học. - Tổng kết – Kết nối bài học. - Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh tham gia chơi. - Lắng nghe. - Mở vở ghi bài.
<p>2. HĐ hành thành kiến thức mới (15 phút):</p> <p>* Mục tiêu: Củng cố các bảng chia đã học</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>Việc 1: Giới thiệu bảng chia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Treo bảng chia như trong bài lên bảng và giới thiệu cho học sinh. + Yêu cầu học sinh đếm số trong hàng đầu tiên của bảng. + Đây là các số thương của hai số. + Yêu cầu học sinh đọc các số trong cột đầu tiên của bảng và giới thiệu đây là số chia. + Các ô còn lại trong bảng chính là số bị chia của phép chia . - Yêu cầu học sinh đọc hàng thứ 3 trong bảng. + <i>Các số trong bảng xuất hiện trong bảng chia nào đã học?</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, đọc nhẩm. - Bảng có 11 hàng và 11 cột, ở góc của bảng có dấu chia. - Đọc các số : 1, 2, 3,...,10. - Đọc số : 2, 4, 6, 8,.....,20. - Các số trên chính là số bị chia của các phép tính trong bảng chia 2.

- Vậy mỗi hàng ở trong bảng này không kể số đầu tiên của hàng ghi lại là một bảng chia

Việc 2: Hướng dẫn sử dụng bảng nhân

- Hướng dẫn học sinh tìm kết quả của phép chia $12 : 4 = ?$

+ Tìm số 4 ở cột đầu tiên; từ số 4 theo chiều mũi tên đến số 12; từ số 12 theo chiều mũi tên gặp số 3 ở hàng đầu tiên. Số 3 là thương của 12 và 4.

- Yêu cầu học sinh thực hành tìm thương của một số phép tính trong bảng.

- Giáo viên chốt rút ra bảng nhân (Sách giáo khoa trang 75)

- Một số học sinh thực hành sử dụng bảng chia để tìm thương.

3. HĐ thực hành (15 phút):

* **Mục tiêu:** Vận dụng các bảng chia vào giải các bài tập

* **Cách tiến hành:**

Bài 1:

Trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”

- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi để nêu kết quả.

- Giáo viên phỏng vấn hai đội chơi về cách tìm tích của 4 phép tính trong bài.

- Giáo viên nhận xét, tổng kết trò chơi, tuyên dương học sinh.

Bài 2: Trò chơi “Xì điện”

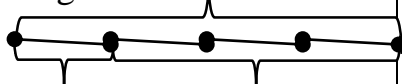
- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi xì điện để hoàn thành bài tập.

- Giáo viên tổng kết trò chơi, nhận xét chung.

Bài 3: (Cá nhân - Cặp - Lớp)

- Giáo viên gợi ý vẽ sơ đồ minh họa bài toán rồi yêu cầu học sinh tự làm bài:

132 trang



Đã đọc ? trang

Còn ? trang

- Học sinh tham gia chơi.

- Học sinh nối tiếp nêu lại cách tìm tích của 4 phép tính trong bài.

- Học sinh tham gia chơi.

Số bị chia	16	45	24	21	72	72	81	56	54
Số chia	4	5	4	7	9	9	9	7	6
Thương	4	9	6	3	8	8	9	8	9

- Học sinh quan sát.

- Học sinh làm cá nhân.

- Chia sẻ cặp đôi.

- Chia sẻ kết quả trước lớp:

Bài giải:

Số trang truyện mình đã đọc được là:

$$132 : 4 = 33(\text{trang})$$

<p>Bài 4: (BT chờ - Dành cho đối tượng hoàn thành sớm) - Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em.</p>	<p>Số trang truyện Minh còn phải đọc là: $132 - 33 = 99$ (trang) Đáp số: 99 trang. - Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành.</p>
<p>3. HĐ ứng dụng (2 phút)</p>	<p>- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng giải bài toán sau: Lớp 3C có 36 học sinh. Mỗi tổ có số học sinh bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh cả lớp. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?</p>
<p>4. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<p>- Suy nghĩ và thử giải bài toán sau: Năm nay bố Minh 36 tuổi. Tuổi Minh bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tính tổng số tuổi của cả bố và Minh?</p>

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

CHÍNH TẢ (Nghe - viết):

NHÀ RÔNG Ở TÂY NGUYÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Nghe - viết đúng bài chính tả (đoạn *Gian đầu nhà rông... đến dùng khi cúng tế*).
- Làm đúng bài tập điền từ có vần *ui/voi* (điền 4 trong 6 tiếng)
- Làm đúng bài tập 3a.
- Viết đúng: *già làng, nông cụ, truyền lại, chiêm trồng,...*

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng viết đúng chính tả.
- Biết viết hoa các chữ đầu dòng, đầu câu thơ.
- Kỹ năng trình bày bài thơ khoa học.

Hình thành phẩm chất: yêu nước, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Bảng lớp viết 2 lần nội dung bài tập 2. Bảng lớp viết nội dung bài 3a.
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (3 phút)</p> <p>- Kết nối kiến thức. - Giới thiệu bài, ghi đầu bài lên bảng.</p>	<p>- Hát: “<i>Chữ đẹp nét càng ngoan</i>”. - Nêu nội dung bài hát. - Trưởng ban học tập tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: “<i>Viết đúng viết nhanh</i>”: <i>mũi dao, bỏ sót, đồ xôi, núi lửa,...</i> - Lắng nghe. - Mở sách giáo khoa.</p>
<p>2. HĐ chuẩn bị viết chính tả (5 phút):</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Học sinh có tâm thế tốt để viết bài. - Nắm được nội dung bài viết, luyện viết những từ ngữ khó, dễ lẫn, biết cách trình bày đúng quy định để viết cho đúng chính tả.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cả lớp</p>	
<p>a. Trao đổi về nội dung đoạn chép</p> <p>- Giáo viên đọc 4 câu ca dao một lượt. + <i>Gian đầu nhà rộng được trang trí như thế nào?</i></p> <p>b. Hướng dẫn cách trình bày:</p> <p>+ <i>Đoạn văn gồm mấy câu?</i> + <i>Những chữ nào trong bài chính tả phải viết hoa?</i></p> <p>c. Hướng dẫn viết từ khó:</p> <p>- Trong bài có các từ nào khó, dễ lẫn? - Giáo viên đọc từ khó, dễ lẫn cho học sinh viết.</p>	<p>- 1 học sinh đọc lại. - <i>Đó là nơi thờ thần làng: Có một giới mây dựng hòn đá thần treo trên vách. Xung quanh hòn đá treo trên những cành hoa bằng tre, vũ khí, nông cụ, chiêm trồng dùng khi cúng tế.</i></p> <p>- <i>Gồm 3 câu.</i> - <i>Các chữ đầu câu: Gian,, Đó, Xung.</i></p> <p>- Học sinh nêu các từ: <i>già làng, nông cụ, truyền lại, chiêm trồng, ...</i> - 3 học sinh viết bảng. Lớp viết bảng con.</p>
<p>3. HĐ viết chính tả (15 phút):</p> <p>*Mục tiêu:</p> <p>- Học sinh viết chính xác bài chính tả. - Viết hoa chữ đầu câu, ghi dấu câu đúng vị trí.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cá nhân</p>	
<p>- Giáo viên nhắc học sinh những vấn đề cần thiết: Viết tên bài chính tả vào giữa trang vở. Chữ đầu của mỗi câu thơ 6 chữ viết hoa lùi vào 2 ô. Chữ đầu của mỗi câu thơ 8 chữ viết hoa lùi vào 1 ô..., quan sát kỹ từng chữ trên bảng, đọc nhẩm từng cụm từ để viết cho</p>	<p>- Lắng nghe.</p>

<p>đúng, đẹp, nhanh; ngồi viết đúng tư thế, cầm viết đúng qui định.</p> <p>- Giáo viên đọc cho học sinh viết bài.</p> <p>Lưu ý: Tư thế ngồi, cách cầm bút và tốc độ viết của các đối tượng M1.</p>	<p>- Học sinh viết bài.</p>
<p>4. HĐ chấm, nhận xét bài (3 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Giúp học sinh nhận ra lỗi sai trong bài chính tả, biết sửa lỗi và ghi nhớ cách trình bày đúng hình thức của bài thơ viết theo thể lục bát chính tả.</p> <p>*Cách tiến hành: Hoạt động cặp đôi</p>	
<p>- Giáo viên gọi 1 học sinh M4 đọc lại bài viết cho các bạn soát bài.</p> <p>- Giáo viên đánh giá, nhận xét 5 - 7 bài.</p> <p>- Nhận xét nhanh về bài làm của học sinh.</p>	<p>- Trao đổi bài (cặp đôi) để soát hộ nhau.</p> <p>- Lắng nghe.</p>
<p>5. HĐ làm bài tập (7 phút)</p> <p>*Mục tiêu: Học sinh làm đúng bài tập điền tiếng có vần <i>ui/oi</i>.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Bài 2: Làm việc cá nhân – Cặp đôi – Lớp</p> <p>- Gọi học sinh đọc yêu cầu bài.</p> <p>- Hướng dẫn học sinh làm bài rồi yêu cầu học sinh tự làm bài cá nhân.</p> <p>- Giáo viên chốt lại lời giải đúng.</p> <p>Bài 3a: Trò chơi Ai nhanh – Ai đúng</p> <p>- Cho 1 học sinh đọc yêu cầu.</p> <p>+ Thi tìm những tiếng có thể ghép với các tiếng: <i>Xâu- sâu; Xẻ- sẻ</i></p> <p>- Tổ chức cho 2 đội học sinh thi tìm.</p> <p>- Nhận xét, tổng kết trò chơi.</p>	<p>- 1 học sinh đọc yêu cầu bài</p> <p>- Cả lớp làm bài vào vở sau đó trao đổi cặp đôi rồi chia sẻ kết quả:</p> <p>+ khung <i>củi</i> + mát <i>rươi</i></p> <p>+ <i>cưỡ</i>i ngựa + <i>gử</i>i thư</p> <p>+ <i>sử</i>i âm + <i>trử</i>i cây.</p> <p>- Học sinh đọc.</p> <p>- Học sinh tham gia chơi (dự kiến đáp án)</p> <p>+ xâu: râu kim, râu chuối, râu cá, râu bánh, râu xé...</p> <p>+ sâu: sâu bọ, chim sâu, nông sâu, sâu xa, sâu sắc, sâu rộng...</p> <p>+ xẻ: xẻ gỗ, mổ xẻ, thợ xẻ, xẻ rãnh, xẻ tà, máy xẻ...</p> <p>+ sẻ: chim sẻ, chia sẻ, san sẻ, nhường cơm sẻ áo...</p>

6. HD ứng dụng (1 phút)	- Về viết lại 10 lần những chữ đã viết sai. - Tìm và viết ra 5 từ có chứa tiếng bắt đầu bằng <i>wi/woi</i> .
7. HD sáng tạo (1 phút)	- Sưu tầm các bài văn, đoạn văn viết về nét đẹp của quê hương rồi luyện viết cho thêm đẹp.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TOÁN:

TIẾT 75: LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết làm tính nhân, tính chia (bước đầu làm quen với cách viết gọn) và giải toán có hai phép tính.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng tính toán qua các bài tập.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

***Bài tập cần làm:** Làm bài tập 1(a,c), 2(a,b.c), 3, 4.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Chuẩn bị bảng phụ nội dung bài tập, phiếu BT3.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HD khởi động (5 phút):</p> <p>- Trò chơi: <i>Truyền điện</i>: nêu phép tính và kết quả tương ứng của bảng nhân, bảng chia?</p> <p>- Tổng kết – Kết nối bài học.</p> <p>- Giới thiệu bài – Ghi đầu bài lên bảng.</p>	<p>- Học sinh tham gia chơi.</p> <p>+ Học sinh 1 nêu phép tính VD: $3 \times 4 = ?$</p> <p>+ Học sinh 2 nêu kết quả của phép tính đó ($3 \times 4 = 12$) (...)</p> <p>- Lắng nghe.</p> <p>- Mở vở ghi bài.</p>

2. HĐ thực hành (25 phút):

* **Mục tiêu:** - Biết làm tính nhân, tính chia (bước đầu làm quen với cách viết gọn) và giải toán có hai phép tính.

* **Cách tiến hành:**

Bài 1 (a, c):

Làm việc cá nhân – Làm việc cặp đôi – Chia sẻ trước lớp

- Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng.

- Giáo viên nhận xét chung.
- Giáo viên củng cố cách đặt tính và thực hiện phép tính.

Bài 2 (a, b, c):

(Cá nhân - Cặp đôi - Lớp)

- Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát mẫu sau đó yêu cầu học sinh làm bài cá nhân.

- Giáo viên lưu ý cho học sinh: *Chia nhẩm, mỗi lần chia chỉ viết số dư không viết tích của thương và số chia.*

- Giáo viên nhận xét chung.

Bài 3: Cặp đôi – Cả lớp

- Đọc bài toán.

- Quan sát sơ đồ đoạn thẳng, trao đổi cách làm.

- Làm bài vào phiếu học tập lớn (2 nhóm).

- Đổi chéo phiếu kiểm tra.

- Đại diện nhóm trình bày.

- Học sinh làm việc cá nhân sau đó trao đổi cặp đôi và chia sẻ kết quả:

$$\begin{array}{r} \text{a) } 213 \\ \times 3 \\ \hline 639 \end{array} \quad \begin{array}{r} \text{c) } 208 \\ \times 4 \\ \hline 832 \end{array}$$

- Học sinh làm bài cá nhân.
- Học sinh chia sẻ theo cặp đôi.
- Chia sẻ trước lớp.

$$\begin{array}{r} 396 \\ 09 \\ 06 \\ 0 \end{array} \left| \begin{array}{r} 3 \\ \hline 132 \end{array} \right. \begin{array}{l} *3 \text{ chia } 3 \text{ được } 1, \text{ viết } 1. \\ 1 \text{ nhân } 3 \text{ bằng } 3; 3 \text{ trừ } 3 \text{ bằng } 0. \\ *Hạ 9; 9 \text{ chia } 3 \text{ được } 3, \text{ viết } 3. \\ 3 \text{ nhân } 3 \text{ bằng } 9; 9 \text{ trừ } 9 \text{ bằng } 0. \\ *Hạ 6; 6 \text{ chia } 3 \text{ được } 2, \text{ viết } 2. \\ 2 \text{ nhân } 3 \text{ bằng } 6; 6 \text{ trừ } 6 \text{ bằng } 0. \end{array}$$

...

- 1 học sinh đọc.
- Lớp quan sát sơ đồ và xác định quãng đường AB, BC, AC.
- Lớp làm vào phiếu học tập.

- Đại diện nhóm lên trình bày
Bài giải:

Quãng đường BC dài số mét là:

$$172 \times 4 = 688 \text{ (m)}$$

Quãng đường AC dài:

$$688 + 172 = 860 \text{ (m)}$$

Đáp số: 860m

<p>- Giáo viên nhận xét. - Giáo viên củng cố giải bài toán bằng 2 phép tính. Bài 4: (Cá nhân –Lớp) - Yêu cầu học sinh làm bài cá nhân. - Giáo viên đánh giá, nhận xét 7 – 10 em. - Nhận xét nhanh kết quả làm bài của học sinh. - Gọi 1 học sinh làm đúng chia sẻ kết quả trước lớp.</p> <p>Bài 2d: (Bài tập chờ - Dành cho đối tượng hoàn thành sớm)</p> <p>- Giáo viên kiểm tra, đánh giá riêng từng em.</p>	<p>- Học sinh làm cá nhân.</p> <p>- Chia sẻ kết quả trước lớp: <i>Bài giải:</i> <i>Tổ sản xuất đã làm được là:</i> $450 : 5 = 90$ (chiếc) <i>Tổ đó còn phải dệt số áo là:</i> $450 - 90 = 360$ (chiếc) <i>Đáp số: 360 chiếc</i></p> <p>- Học sinh tự làm bài rồi báo cáo sau khi hoàn thành:</p> <table style="display: inline-table; vertical-align: top;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">724</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">6</td> <td>*7 chia 6 được 1, viết 1.</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">12</td> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">120</td> <td>1 nhân 6 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">04</td> <td></td> <td>*Hạ 2, được 12; 12 chia 6 được 2, viết 2.</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding-right: 5px;">4</td> <td></td> <td>2 nhân 6 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>*Hạ 4; 4 chia 6 được 0, viết 0.</td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td>0 nhân 6 bằng 0; 4 trừ 0 bằng 0.</td> </tr> </table>	724	6	*7 chia 6 được 1, viết 1.	12	120	1 nhân 6 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.	04		*Hạ 2, được 12; 12 chia 6 được 2, viết 2.	4		2 nhân 6 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.			*Hạ 4; 4 chia 6 được 0, viết 0.			0 nhân 6 bằng 0; 4 trừ 0 bằng 0.
724	6	*7 chia 6 được 1, viết 1.																	
12	120	1 nhân 6 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.																	
04		*Hạ 2, được 12; 12 chia 6 được 2, viết 2.																	
4		2 nhân 6 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.																	
		*Hạ 4; 4 chia 6 được 0, viết 0.																	
		0 nhân 6 bằng 0; 4 trừ 0 bằng 0.																	
<p>4. HĐ ứng dụng (3 phút)</p> <p>5. HĐ sáng tạo (2 phút)</p>	<p>- Về xem lại bài đã làm trên lớp. Áp dụng làm bài tập sau: <i>Tính:</i></p> <table style="display: inline-table; vertical-align: top;"> <tr> <td style="padding-right: 20px;">$489 : 3$</td> <td>312×2</td> </tr> </table> <p>- Suy nghĩ và giải bài toán sau: <i>Quãng đường từ nhà An đến nhà Minh dài 362m. Quãng đường từ nhà An đến trường dài gấp đôi quãng đường từ nhà An đến nhà Minh. Tính quãng đường từ nhà An đến trường?</i></p>	$489 : 3$	312×2																
$489 : 3$	312×2																		

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TẬP LÀM VĂN:

GIỚI THIỆU VỀ TỔ EM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu về tổ của mình (BT2).

2. Kỹ năng:

Rèn cho học sinh kỹ năng viết, kỹ năng nói trước đám đông.

Hình thành phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL

giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Bảng phụ viết 3 câu hỏi gợi ý giúp học sinh làm bài tập 2.

- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, trò chơi học tập.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

<i>Hoạt động của GV</i>	<i>Hoạt động của HS</i>
1. HĐ khởi động (5 phút) <ul style="list-style-type: none">- Học sinh hát.- Cho học sinh xung phong giới thiệu với các bạn trong lớp về tổ của em và hoạt động của tổ trong tháng 11.- Nhận xét, tuyên dương học sinh.- Kết nối kiến thức - Giới thiệu bài mới.- Ghi đầu bài lên bảng.	<ul style="list-style-type: none">- Hát: “<i>Lớp chúng mình đoàn kết</i>”.- 2 học sinh giới thiệu với các bạn trong lớp về tổ của em và hoạt động của tổ trong tháng vừa qua.- Lắng nghe.- Mở sách giáo khoa.
2. HĐ thực hành (28 phút) <p>*Mục tiêu: Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu về tổ của mình (BT2).</p> <p>*Cách tiến hành</p>	
Bài tập 2 <p>Làm việc cá nhân -> Chia sẻ trước lớp</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 học sinh nêu yêu cầu của bài tập: Viết được đoạn văn ngắn (khoảng 5 câu) giới thiệu về tổ của mình.- Yêu cầu học sinh dựa vào gợi ý và phần kể trình bày ở tiết trước để viết vào vở.+ <i>Tổ em có những bạn nào?</i>+ <i>Các bạn là người dân tộc nào?</i>+ <i>Mỗi bạn có đặc điểm gì?</i>+ <i>Tháng vừa qua các bạn đã làm được những việc gì?</i>- Hướng dẫn viết vào vở, cách trình bày.	<ul style="list-style-type: none">- 1 học sinh nêu yêu cầu của bài tập.- <i>Tên các bạn...</i>- <i>...kinh</i>- <i>...</i>- <i>Thi đua học tốt, tập văn nghệ chào mừng 20.11.</i>

<p>+ Nhắc học sinh: các em không cần viết theo cách giới thiệu với khách tham quan. Vì vậy, các em chỉ viết những nội dung giới thiệu các bạn trong tổ và hoạt động của các bạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh viết bài. - Giáo viên mời 1 học sinh chia sẻ trước lớp. <p>- Mời học sinh tham gia ý kiến.</p> <p>- Cả lớp và giáo viên nhận xét, tuyên dương một số bài viết hay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh viết bài cá nhân - Học sinh giới thiệu về tổ mình. <p><i>VD tổ 2: Tổ em có 12 bạn. Đó là các bạn Giang, Thảo, Minh, Linh,... Mỗi bạn trong tổ em đều có những điểm đáng quý. Bạn Thảo là lớp trưởng, bạn luôn gương mẫu trong mọi công việc. Bạn Minh là lớp phó học tập, bạn học rất giỏi và hay giúp đỡ bạn bè. Trong tháng vừa qua bạn đã thi đua học tốt, tập văn nghệ chào mừng 20.11... và đã nhận được lời khen của các thầy, các cô, (...)</i></p>
<p>3. HĐ ứng dụng (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà tiếp tục viết giới thiệu về tổ của mình.
<p>4. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Viết và gửi thư cho một bạn ở nơi khác giới thiệu về tổ mình để bạn hiểu hơn về tổ, lớp mình.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

THỦ CÔNG:

CẮT, DÁN CHỮ V (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Biết cách kẻ, cắt, dán chữ V.
- Kẻ, cắt, dán được chữ V. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng.
- Với học sinh khéo tay: Kẻ, cắt, dán được chữ V. Các nét chữ thẳng và đều nhau. Chữ dán phẳng.

2. Kỹ năng: Rèn kỹ năng kẻ, cắt, dán được chữ V đúng quy trình kỹ thuật.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Mẫu chữ V. Tranh quy trình kẻ, cắt, dán chữ V, giấy màu, thước kẻ, bút chì, kéo, hồ dán.

- Học sinh: Giấy màu, thước kẻ, bút chì, kéo, hồ dán.


2. Phương pháp, kĩ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. HĐ khởi động (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra dụng cụ, đồ dùng học tập của học sinh và nhận xét. - Giới thiệu bài mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hát bài: <i>Năm ngón tay ngoan.</i> - Học sinh kiểm tra trong cặp đôi, báo cáo giáo viên.
<p>2. HĐ quan sát và nhận xét (10 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh biết cách kẻ, cắt, dán chữ V. - Kẻ cắt dán được chữ V. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng. <p>* Cách tiến hành:</p> <p>*Việc 1: Quan sát mẫu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh quan sát mẫu chữ V. + <i>Chữ V rộng mấy ô, cao mấy ô?</i> - Cho học sinh so sánh chữ V. <p>- Giáo viên nhận xét.</p> <p>*Việc 2: Hướng dẫn học sinh kẻ, cắt, dán chữ H, U</p> <p>- Giáo viên hướng dẫn quy trình trên hình vẽ:</p> <p>Bước 1: Kẻ chữ V</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẻ cắt hình chữ nhật có chiều dài 5 ô, rộng 3 ô trên mặt trái của tờ giấy thủ công. - Chấm các điểm đánh dấu hình chữ V vào hình chữ nhật. Sau đó kẻ chữ V theo các điểm đã đánh dấu. <p>Bước 2: Cắt chữ V</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gấp đôi hình chữ nhật đã kẻ chữ V theo đúng đường dấu giữa (mặt trái ra ngoài). Cắt theo 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh quan sát. - <i>Nét chữ rộng 1 ô, cao 5 ô.</i> - <i>Chữ V có nửa bên trái và nửa bên phải giống nhau. Nếu gấp đôi chữ V theo chiều dọc thì nửa bên trái và nửa bên phải của chữ trùng khít nhau.</i> - Học sinh theo dõi. - Học sinh quan sát.

<p>đường kẻ nửa chữ V bỏ phần gạch chéo. Mở ra được chữ V như chữ mẫu.</p> <p>Bước 3: Dán chữ V</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kẻ một đường chuẩn, đặt ướm chữ mới cắt vào đường chuẩn cho cân đối. Bôi hồ vào mặt kẻ ô của từng chữ và dán vào vị trí đã định. - Giáo viên nhận xét, đánh giá. <p>*Lưu ý: Quan sát, theo dõi và giúp đỡ học sinh còn lúng túng.</p>	
<p>3. HĐ thực hành (15 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách kẻ, cắt, dán chữ V. - Kẻ, cắt, dán được chữ V. Các nét chữ tương đối thẳng và đều nhau. Chữ dán tương đối phẳng. <p>*Cách tiến hành</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tổ chức cho học sinh tập kẻ, cắt chữ V trên giấy nháp. - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ học sinh còn lúng túng. - Cho 2 học sinh lên thực hiện. <p>- Nhận xét một số bài kẻ, cắt chữ đẹp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành cắt, kẻ, dán chữ V trên giấy nháp: + Học sinh tập gấp, cắt chữ V. + Học sinh tập kẻ, cắt chữ V bằng giấy nháp. + Học sinh tập dán chữ V. + Đãi chéo sản phẩm, góp ý.
<p>4. HĐ ứng dụng (4 phút)</p> <p>5. HĐ sáng tạo (1 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về nhà tiếp tục thực hiện gấp, kẻ, cắt chữ V. - Dùng các sản phẩm để trang trí vào góc học tập của mình.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI (TIẾT 1):

BÀI 29: CÁC HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN LIÊN LẠC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Kể tên một số hoạt động diễn ra ở bưu điện tỉnh.
- Nêu ích lợi của các hoạt động bưu điện, truyền thông, truyền hình, phát thanh trong đời sống.

2. Kỹ năng:

- Ghi – nhớ địa chỉ, cách quay số điện thoại, cách giao tiếp qua điện thoại.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL nhận thức môi trường, NL tìm tòi và khám phá.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên: Một số bì thư, điện thoại đồ chơi (cố định, di động).
- Học sinh: Sách giáo khoa.

2. Phương pháp, kỹ thuật:

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm.

- Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>1. HĐ khởi động (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu học sinh trình bày các sưu tầm về tranh ảnh, họa báo nói về các cơ sở văn hoá, giáo dục, hành chính, y tế. - Nhận xét, đánh giá - Giới thiệu bài: <i>Khi em có người thân đi xa nhà, người ấy báo tin bình an cho gia đình biết bằng cách nào?</i> - <i>Nếu không có hoạt động của bưu điện thì chúng ta có nhận được những thư tín, những bưu phẩm từ nơi xa gửi về hoặc có điện thoại được không?</i> Để biết các hoạt động thông tin liên lạc diễn ra như thế nào, mời các em cùng tìm hiểu bài Các hoạt động thông tin liên lạc. - Ghi đầu bài lên bảng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh hát. - Học sinh trình bày. - Nhắn qua người trung gian, viết thư, gọi điện thoại, nhắn tin qua điện thoại, gửi E-mail... - Học sinh lắng nghe. - Mở sách giáo khoa.
<p>2. HĐ khám phá kiến thức (25 phút)</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số hoạt động diễn ra ở bưu điện tỉnh. - Nêu ích lợi của các hoạt động bưu điện trong đời sống. - Biết được ích lợi của các hoạt động phát thanh, truyền hình. - Học sinh biết cách ghi địa chỉ ngoài phong bì thư, cách quay số điện thoại, cách giao tiếp qua điện thoại. <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>Hoạt động 1: Thảo luận nhóm</p> <p>*Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số hoạt động diễn ra ở bưu điện tỉnh. 	

- *Nêu ích lợi của các hoạt động bưu điện trong đời sống.*

***Cách tiến hành:**

- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận câu hỏi:

+ *Kể về những hoạt động diễn ra ở nhà bưu điện tỉnh?*

+ *Nêu ích lợi của hoạt động bưu điện. Nếu không có hoạt động của bưu điện thì chúng ta có nhận được những thư tín, những bưu phẩm từ nơi xa gửi về hoặc có điện thoại được không?*

- Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Nhận xét.

- Giáo viên giới thiệu: Ở bưu điện tỉnh còn có dịch vụ chuyển phát nhanh thư và bưu phẩm, ngoài ra còn có cả gửi tiền, gửi hàng hoá, điện hoa qua bưu điện.

***Kết luận:** *Bưu điện tỉnh giúp chúng ta chuyển phát tin tức, thư tín, bưu phẩm giữa các địa phương trong nước và giữa trong nước với nước ngoài.*

Hoạt động 2: Thảo luận theo nhóm

***Mục tiêu:** *Biết được ích lợi của các hoạt động phát thanh, truyền hình.*

***Cách tiến hành:**

- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm thảo luận câu hỏi: *nêu nhiệm vụ, ích lợi của hoạt động phát thanh, truyền hình.*

- Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Nhận xét

*** Kết luận:**

- *Đài truyền hình, đài phát thanh là những cơ sở thông tin liên lạc phát tin tức trong nước và ngoài nước.*

- *Đài truyền hình, đài phát thanh giúp chúng ta biết được những thông tin về văn hoá, giáo dục, kinh tế, ...*

Hoạt động 3: Thực hành

- Học sinh thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.

- *Những hoạt động diễn ra ở nhà bưu điện tỉnh là: gửi thư, gọi điện thoại, gửi bưu phẩm ...*

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác nghe và bổ sung.

- Học sinh lắng nghe.

- Học sinh thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác nghe, bổ sung.

<p>*Mục tiêu: Học sinh biết cách ghi địa chỉ ngoài phong bì thư, cách quay số điện thoại, cách giao tiếp qua điện thoại.</p> <p>*Cách tiến hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh đóng vai nhân viên bán tem, phong bì và nhận gửi thư, hàng. - Một vài học sinh đóng vai người gửi thư, quà. - Một số học sinh khác chơi gọi điện thoại. - Nhận xét. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh thực hiện chơi theo sự phân công của giáo viên.
<p>3. HĐ ứng dụng (3 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu và ghi lại số điện thoại, địa chỉ của một người bạn ở nơi xa.
<p>4. HĐ sáng tạo (2 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành gửi thư hỏi thăm sức khỏe và trao đổi tình hình học tập của bản thân cho một người bạn ở nơi xa theo địa chỉ tìm hiểu được.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI (TIẾT 2):

BÀI 30: HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Kể tên một số hoạt động nông nghiệp của tỉnh (thành phố) nơi các em đang sống.
- Nêu lợi ích của hoạt động nông nghiệp.

2. Kỹ năng: Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin: Quan sát, tìm kiếm thông tin về hoạt động nông nghiệp nơi mình đang sống.

Hình thành phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

Góp phần phát triển năng lực: NL tự chủ và tự học, NL giáo tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL nhận thức môi trường, NL tìm tòi và khám phá.

***KNS:**

- Kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin.

***GD BVMT:**

- Biết các hoạt động nông nghiệp, ích lợi và một số tác hại (nếu thực hiện sai) của các hoạt động đó.

***TH QPAN:**

- Nêu tác dụng của thông tin liên lạc trong cuộc sống

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

1. Đồ dùng:

- Giáo viên yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.
- Giáo viên nhận xét và giới thiệu thêm một số hoạt động khác ở các vùng miền khác nhau như: trồng ngô, khoai, sắn, chè,...; chăn nuôi trâu, bò, dê,...

***Kết luận:** Các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, trồng rừng ... được gọi là hoạt động nông nghiệp.

Hoạt động 2: Thảo luận theo cặp

***Mục tiêu:** Kể tên một số hoạt động nông nghiệp. Nêu được lợi ích của hoạt động nông nghiệp.

***Cách tiến hành:**

- Giáo viên cho từng cặp học sinh kể cho nhau nghe về hoạt động nông nghiệp ở nơi các em đang sống
- Giáo viên cho một số cặp trình bày trước lớp.
- Giáo viên nhận xét.

Hoạt động 3: Triển lãm góc hoạt động nông nghiệp

***Mục tiêu:** Thông qua triển lãm tranh ảnh, các em biết thêm và khắc sâu những hoạt động nông nghiệp.

***Cách tiến hành:**

- Giáo viên chia lớp thành các nhóm.
- Phát cho mỗi nhóm một tờ giấy lớn yêu cầu mỗi nhóm trình bày tranh theo cách nghĩ và thảo luận của từng nhóm.
- Cho từng nhóm bình luận về tranh xoay quanh nghề nghiệp và lợi ích của các nghề nghiệp đó.
- Giáo viên x chung và khen nhóm làm tốt nhất.

+ *Ảnh 2: chụp cảnh chăm sóc đàn cá – cung cấp cá cho con người làm thức ăn.*

+ *Ảnh 3: chụp cảnh gặt lúa – cung cấp cho con người thóc gạo để ăn.*

+ *Ảnh 4: chụp cảnh chăm sóc đàn lợn – cung cấp thức ăn cho con người.*

+ *Ảnh 5: chụp cảnh chăm sóc đàn gà – cung cấp thức ăn cho con người.*

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

- Các nhóm khác nghe, bổ sung.

- Từng cặp học sinh kể cho nhau nghe.

- Học sinh trình bày trước lớp.

- Lớp nhận xét.

- Học sinh thảo luận nhóm và ghi kết quả ra giấy.

- Học sinh trình bày trước lớp.

- Lớp nhận xét.

3. HĐ ứng dụng (3 phút)

4. HĐ sáng tạo (2 phút)

- Nêu các hoạt động nông nghiệp ở nơi em ở.

- Cùng bạn bè, người thân tham gia các hoạt động nông nghiệp ở nhà, địa phương nơi mình ở.

ĐIỀU CHỈNH - BỔ SUNG:

.....

.....

.....